| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23/8/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*: Ông Hà Văn Phúc.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Mai Tấn Lộc;
2. Ông Nguyễn Văn Hiền.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 169/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Ph Th Th H, sinh năm: 1974. Địa chỉ: ấp 6, xã PC, huyện CL, tỉnh TG (có mặt);*

*2. Bị đơn: Tr Th L, sinh năm: 1974. Địa chỉ: ấp 6, xã PC, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 12/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh Tr Th L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện CL, tỉnh TG. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chồng không lo cho gia đình, thường hay nhậu say và bạo hành chị. Chị đã kiên nhẫn chịu đựng và nhiều lần cho anh L cơ hội sửa đổi, gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2016 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Tr Th Ph, sinh năm 1997 và Tr H H, sinh ngày 22/01/2008. Chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Tr H H.

- Về cấp dưỡng: Chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị H và anh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, nay chị H xin ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh L chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Tại phiên tòa chị H cương quyết xin ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh L vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung tên Tr H H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống chung với mẹ và chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Con chung tên Tr Th Ph đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3.3. Về cấp dưỡng: Chị H chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph Th Th H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ph Th Th H được ly hôn với anh Tr Th L;

2. Về con chung: Giao con chung tên Tr H H, sinh ngày 22/01/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16575 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh TG;*
- *VKSND huyện CL;*
- *THADS huyện CL;*
- *UBND xã Phú Cường;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc